

Lam Sơn, ngày 01 tháng 03 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP .HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức : Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn  
- Mã chứng khoán: LSS  
- Địa chỉ trụ sở chính: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa  
- Điện thoại: 0237.899 66 67  
- Fax: 0237.3834 .092  
- Người thực hiện công bố thông tin: Lê Văn Tân  
Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

**Nội dung thông tin công bố : Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn công bố Báo cáo tài chính bán niên công ty mẹ và hợp nhất niên độ tài chính từ 01/07/2022-30/06/2023, kèm giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước và sau kiểm toán và biến động so với cùng kỳ.**

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 01/03/2023 tại đường dẫn : <http://www.lasuco.vn/>, <http://www.lasuco.com.vn/>,

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Lê Văn Tân

Số: **31** CV/ĐLSV/v giải trình biến động kết quả kinh doanh trong BCTC  
soát xét giữa niên độ 2022/2023

Lam Sơn, ngày 01 tháng 03 năm 2023

**Kính gửi:**

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HCM

Căn cứ Báo cáo tài chính soát xét giữa niên độ 2022/2023 đã được công bố trên thị trường chứng khoán

Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn giải trình biến động kết quả kinh doanh trong Báo cáo tài chính soát xét từ 01/07/2022-31/12/2023 như sau:

**A. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI BCTC RIÊNG****I. Kết quả trước và sau kiểm toán tại 31/12/2022:****ĐVT: Đồng**

TT	Chỉ tiêu	Trước kiểm toán	Sau kiểm toán	Chênh lệch %
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	606.195.741.409	588.824.312.838	(2,87)
2	Giá vốn hàng bán	545.986.447.978	528.615.019.407	(3,18)
3	Chi phí tài chính	8.659.925.916	8.659.925.916	-
4	Chi phí bán hàng	20.943.702.748	21.331.632.326	1,85
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.872.451.708	20.767.381.766	4,50
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	11.939.741.274	10.801.114.297	(9,54)

**Nguyên nhân:**

Lợi nhuận sau thuế TNDN giảm 9,54% so với trước kiểm toán là do: Chi phí bán hàng tăng 1,85%, chi phí quản lý tăng 4,5% do trích trước các khoản chi phí tiền thuê đất và phí sử dụng phần mềm oracle.

**II. Kết quả hoạt động kinh doanh so với cùng kỳ năm trước:****ĐVT: Đồng**

TT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước	Chênh lệch %
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	588.824.312.838	735.499.298.674	(19,94)
2	Giá vốn hàng bán	528.615.019.407	661.133.555.598	(20,04)
3	Chi phí quản lý DN	20.767.381.766	18.701.885.853	11,04
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	10.801.114.297	12.532.743.841	(13,82)

### **Nguyên nhân:**

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm nay giảm 13,82% so với năm trước là do:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ giảm 19,94% và giá vốn hàng bán giảm 20,04% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ tăng so với năm trước 11,04% là do tăng chi phí quản lý bằng tiền khác.

## **B. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI BCTC HỢP NHẤT**

### **I. Kết quả trước và sau kiểm toán tại 31/12/2022:**

**ĐVT: Triệu đồng**

TT	Chỉ tiêu	Trước kiểm toán	Sau kiểm toán	Chênh lệch %
1	Doanh thu BH và cung cấp dịch vụ	698.670	672.789	(3,7)
2	Giá vốn hàng bán	632.489	603.179	(4,6)
3	Chi phí tài chính	10.210	10.525	3,1
4	Chi phí bán hàng	23.775	27.563	15,9
5	Chi phí quản lý	26.467	26.162	(1,2)
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	8.838	7.564	(14,4)

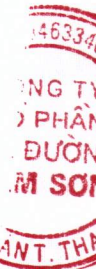
### **Nguyên nhân:**

- Doanh thu, giá vốn hàng bán giảm tương ứng lần lượt là 3,7% và 4,6% là do loại trừ các giao dịch nội bộ trong cùng tập đoàn.
- Chi phí tài chính tăng 3,1% do trích bổ sung chi phí lãi vay.
- Chi phí bán hàng tăng 3.788 triệu đồng tương đương tăng 15,9% và Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 1,2% do phân loại từ giá vốn hàng bán sang chi phí bán hàng.

### **II. Kết quả hoạt động kinh doanh so với cùng kỳ năm trước:**

**ĐVT: Triệu đồng**

TT	Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay	Chênh lệch %
1	Doanh thu BH và cung cấp dịch vụ	796.627	672.789	(15,6)
2	Giá vốn hàng bán	717.372	603.179	(15,9)
3	Chi phí tài chính	8.139	10.525	29,3
4	Chi phí bán hàng	29.699	27.563	(7,2)
5	Chi phí quản lý	28.148	26.162	(7,1)
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	13.652	7.564	(44,6)



- Doanh thu, giá vốn năm nay giảm so với năm trước tương ứng 15,6% và 15,9%; dẫn đến các chi phí bán hàng, chi phí quản lý cũng giảm tương ứng 7,2% và 7,1%.
- Chi phí tài chính tăng 29,3% so với cùng kỳ năm trước do chi phí lãi vay tăng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN giảm so với cùng kỳ năm trước 44,6%

**Trân trọng.**

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu VT, P.TCKT



*Lê Văn Phương*



## **Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



# Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	13 - 56

# Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 3 tháng 1 năm 2023.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Sản xuất gạch;
- ▶ Kinh doanh vận tải hàng hóa, gia công cơ khí, sửa chữa máy móc, thiết bị và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Số 16A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường phèn	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng	Thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn	Thị trấn Cảnh Nang, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Bá Thước	
Xí nghiệp Nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy Lavinafood	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Tân	Chủ tịch
Ông Lê Trung Thành	Phó Chủ tịch
Bà Lê Thị Huệ	Ủy viên Thường trực HĐQT
Ông Phùng Thanh Hải	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Tân	Ủy viên

# Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Huy Hùng	Trưởng Ban
Ông Trịnh Đình Toán	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Tâm	Thành viên

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Phương	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Bá Chiểu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Lam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Quý	Phó Tổng Giám đốc

Miễn nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2022

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là Ông Lê Văn Tân – Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty. Ông Lê Văn Phương đã được Ông Lê Văn Tân ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo theo Giấy Ủy quyền số 37 UQ/ĐLS – TCKT ngày 26 tháng 1 năm 2022.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



# Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc  
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 1 tháng 3 năm 2023

Số tham chiếu: 11536452/66960303/HN-LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Công ty và các công ty con”), được lập ngày 1 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 56, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Trịnh Xuân Hòa  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 1 tháng 3 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>983.317.349.017</b>	<b>991.422.243.191</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>47.655.109.783</b>	<b>47.752.263.524</b>
111	1. Tiền		35.989.165.110	37.125.112.394
112	2. Các khoản tương đương tiền		11.665.944.673	10.627.151.130
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>122.210.686.673</b>	<b>292.654.642.079</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	62.573.039.867	163.532.861.082
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	61.067.914.681	129.324.542.268
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	31.383.310.739	32.610.817.343
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(32.813.578.614)	(32.813.578.614)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>788.687.474.964</b>	<b>640.740.569.057</b>
141	1. Hàng tồn kho		793.625.926.128	646.571.170.219
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.938.451.164)	(5.830.601.162)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>24.764.077.597</b>	<b>10.274.768.531</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	22.126.999.337	5.006.758.720
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2.503.603.425	5.256.549.235
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		133.474.835	11.460.576

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.508.857.744.092</b>	<b>1.567.066.676.169</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>5.588.778.342</b>	<b>8.524.980.610</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		5.611.278.342	8.547.480.610
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(22.500.000)	(22.500.000)
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>1.050.505.352.549</b>	<b>1.115.504.945.847</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.003.150.462.882	1.067.032.333.836
222	Nguyên giá		2.987.130.199.744	2.982.860.420.621
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.983.979.736.862)	(1.915.828.086.785)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	47.354.889.667	48.472.612.011
228	Nguyên giá		52.258.456.172	52.258.456.172
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.903.566.505)	(3.785.844.161)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>372.019.172.303</b>	<b>354.251.561.243</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	372.019.172.303	354.251.561.243
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>35.849.806.274</b>	<b>36.251.145.800</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.251.145.800	6.251.145.800
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(401.339.526)	-
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		30.000.000.000	30.000.000.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>44.894.634.624</b>	<b>52.534.042.669</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	41.473.256.499	49.112.664.544
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		3.421.378.125	3.421.378.125
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.492.175.093.109</b>	<b>2.558.488.919.360</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>858.541.226.137</b>	<b>923.045.994.647</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>784.382.825.341</b>	<b>847.763.640.635</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	81.848.200.939	106.474.188.037
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	63.252.755.776	17.711.753.768
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	16.284.744.586	26.360.414.585
314	4. Phải trả người lao động		8.285.613.421	21.597.656.649
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	75.151.111.748	51.456.259.609
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	37.826.132.534	37.497.162.513
320	7. Vay ngắn hạn	18	494.661.755.828	582.451.382.208
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	7.072.510.509	4.214.823.266
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>74.158.400.796</b>	<b>75.282.354.012</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	40.344.946.150	40.344.946.150
338	2. Vay dài hạn	18	6.335.000.000	6.335.000.000
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	20	27.478.454.646	28.602.407.862
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.633.633.866.972</b>	<b>1.635.442.924.713</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>1.609.625.624.672</b>	<b>1.606.316.692.450</b>
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		745.479.930.000	700.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		745.479.930.000	700.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		191.455.332.801	191.455.332.801
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		599.425.354.251	595.170.023.237
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		45.664.692.440	91.991.983.572
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		38.000.958.819	47.492.699.126
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		7.663.733.621	44.499.284.446
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		27.600.315.180	27.699.352.840
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>22</b>	<b>24.008.242.300</b>	<b>29.126.232.263</b>
431	1. Nguồn kinh phí		1.468.335.502	4.828.535.477
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		22.539.906.798	24.297.696.786
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.492.176.093.109</b>	<b>2.568.488.919.360</b>



Người lập  
Nguyễn Thị Tú



Kế toán trưởng  
Đỗ Thị Thanh Hà



Tổng Giám đốc  
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 1 tháng 3 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	672.789.040.381	796.627.092.984
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	24.1	672.789.040.381	796.627.092.984
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	603.179.467.470	717.372.967.332
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		69.609.572.911	79.254.125.652
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	3.417.901.290	3.445.953.731
22	7. Chi phí tài chính	26	10.525.436.369	8.139.424.190
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		9.407.734.555	4.712.423.742
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	27	27.563.522.761	29.699.577.198
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	26.162.349.943	28.148.870.244
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26]		8.776.165.128	16.712.207.751
31	12. Thu nhập khác	28	1.056.820.585	11.695.032
32	13. Chi phí khác	28	143.861.938	308.296.713
40	14. Lợi nhuận/(lỗ) khác [40 = 31 - 32]	28	912.958.647	(296.601.681)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (Trình bày lại)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.689.123.775	16.415.606.070
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	2.124.427.814	2.762.796.205
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51 - 52]		7.564.695.961	13.652.809.865
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	20.1	7.663.733.621	13.698.854.390
62	20. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	20.1	(99.037.660)	(46.044.525)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	103	158
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	32	103	158



Người lập  
Nguyễn Thị Tú



Kế toán trưởng  
Đỗ Thị Thanh Hà



Tổng Giám đốc  
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 1 tháng 3 năm 2023



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>9.689.123.775</b>	<b>16.415.606.070</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		60.289.229.983	39.437.456.347
03	(Hoàn nhập dự phòng)/Các khoản dự phòng		(490.810.472)	10.871.503.695
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		23.262.660	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(3.097.454.408)	(1.508.538.576)
06	Chi phí lãi vay	26	9.407.734.555	4.712.423.742
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>75.821.086.093</b>	<b>69.928.451.278</b>
09	Giảm các khoản phải thu		174.501.252.658	62.412.127.128
10	Tăng hàng tồn kho		(147.054.755.909)	(59.140.571.076)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		23.601.599.048	(17.346.715.189)
12	Tăng chi phí trả trước		(1.320.705.766)	(455.128.707)
14	Tiền lãi vay đã trả		(10.061.053.759)	(4.658.226.688)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.458.998.397)	(5.382.655.778)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	11.509.000.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.757.843.746)	(5.982.990.131)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>102.270.580.222</b>	<b>50.883.290.837</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(19.608.449.500)	(53.369.882.179)
22	Tiền thu do thanh lý nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.829.640.000	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	4.137.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia		3.226.703.903	1.508.538.576
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(14.552.105.597)</b>	<b>(47.724.343.603)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

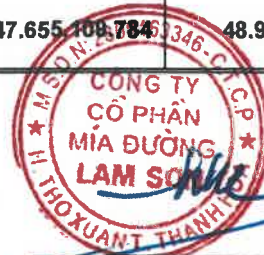
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
31	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
	Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ, nhận vốn góp chủ sở hữu		-	35.041.706.517
33	Tiền thu từ đi vay		564.576.578.877	607.149.657.334
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(652.366.205.257)	(630.353.016.250)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả		(2.739.325)	(3.414.280)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính</b>		<b>(87.792.365.705)</b>	<b>11.834.933.321</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(73.891.080)</b>	<b>14.993.880.555</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>47.752.263.524</b>	<b>33.955.889.537</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(23.262.660)	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	4	<b>47.655.109.784</b>	<b>48.949.770.092</b>



Người lập  
Nguyễn Thị Tú



Kế toán trưởng  
Đỗ Thị Thanh Hà



Tổng Giám đốc  
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 1 tháng 3 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 3 tháng 1 năm 2023.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Sản xuất gạch;
- ▶ Kinh doanh vận tải hàng hóa, gia công cơ khí, sửa chữa máy móc, thiết bị và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Số 16A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường phèn	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng	Thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn	Thị trấn Cảnh Nàng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Bá Thước	
Xí nghiệp Nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy Lavinafood	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 1.260 (ngày 30 tháng 6 năm 2022: 1.296).

***Tính chất mùa vụ đối với hoạt động sản xuất của Công ty và các công ty con***

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ nông nghiệp, trong đó chủ yếu là các sản phẩm từ đường. Doanh thu các sản phẩm từ đường chiếm tỷ trọng 95,68% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ. Sản xuất đường có tính mùa vụ theo thời gian của mùa vụ trồng và thu hoạch mía, thường diễn ra trong giai đoạn từ tháng 9 đến tháng 3. Theo đó, các hoạt động sản xuất chính liên quan trực tiếp đến sản phẩm đường của Công ty và các công ty con thường phát sinh trong giai đoạn này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)**

***Cơ cấu tổ chức***

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 7 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích, tỷ lệ biểu quyết của Công ty trong các công ty con này như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong kỳ</i>
1	Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn (*)	43,59%	90%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất phân bón, kinh doanh dịch vụ vận tải, san lấp mặt bằng, kinh doanh các dịch vụ nông nghiệp
2	Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt và chăn nuôi
3	Công ty TNHH Thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng	100%	100%	Huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước (**)	100%	100%	Huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp
5	Công ty TNHH Một thành viên Thành An – Lam Sơn	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
6	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Mía đường Lam Sơn	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, nghiên cứu và chế biến các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao
7	Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Lam Sơn	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Kinh doanh, xuất nhập khẩu đường, các sản phẩm sau đường và các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao

(\*) Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty này là 43,59%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty vẫn nắm giữ đa số thành viên trong Hội đồng Quản trị của công ty này và theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty vẫn giữ quyền kiểm soát tại Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn và tiếp tục ghi nhận khoản đầu tư vào công ty này là một khoản đầu tư vào công ty con.

(\*\*) Công ty con này đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục cần thiết để chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang công ty trách nhiệm hữu hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm nay và kết thúc ngày 30 tháng 6 của năm tiếp theo.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và của các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)**

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế lũy kế chưa phân phối.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty và các công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài và tiền thuê trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các quyền sử dụng đất này được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

#### 3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Thuê tài sản (tiếp theo)**

*Trong trường hợp Công ty và các công ty con là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Công ty và các công ty con là bên cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản và được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm/kỳ tài chính như sau:

- ▶ Đối với các tài sản liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất mía đường, Công ty và các công ty con trích lập chi phí khấu hao theo phương pháp đường thẳng cho tất cả các tháng trong năm tài chính, ghi nhận vào Chi phí trả trước ngắn hạn và phân bổ đều vào chi phí sản xuất kinh doanh của các tháng mà nhà máy đường hoạt động, thông thường từ tháng 1 đến tháng 3 và tháng 11, tháng 12 của năm tài chính.
- ▶ Đối với các tài sản phục vụ cho hoạt động quản lý chung và các hoạt động kinh doanh khác, Công ty và các công ty con trích lập và ghi nhận chi phí khấu hao/hao mòn đều cho các tháng trong năm/kỳ tài chính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản được Công ty và các công ty con áp dụng như sau:

Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao
Quyền sử dụng đất có thời hạn	20 - 50 năm
Phần mềm máy tính	5 - 8 năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây xanh lâu năm	8 - 23 năm

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và các công ty con. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất với thời hạn từ 5 đến 35 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

#### 3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng kỳ thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

#### 3.11 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng kỳ thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của công ty liên kết sau khi mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

*Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông của Công ty và của các công ty con phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và các công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

##### *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và các công ty con.

##### *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

#### **3.15 *Quý phát triển khoa học và công nghệ***

Quý phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty theo hướng dẫn tại Nghị định 95/2014/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 17 tháng 10 năm 2014, Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKH-CN-BTC do Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2016 và Thông tư 67/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 11 năm 2022. Số tiền trích quỹ hàng năm được Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và không vượt quá 10% thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền trích quỹ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Số tiền trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ được chấp nhận là chi phí được khấu trừ cho mục đích xác định thuế thu nhập doanh nghiệp.

Trong thời hạn 5 năm, kể từ khi trích lập, nếu Quý phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích, Công ty sẽ phải nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

#### **3.16 *Nguồn kinh phí sự nghiệp***

Nguồn kinh phí sự nghiệp là các khoản kinh phí được cấp bởi Ngân sách Nhà nước và được phê duyệt bởi các cơ quan quản lý nhà nước để thực hiện các dự án, chương trình mục tiêu không vì mục đích lợi nhuận.

#### **3.17 *Ghi nhận doanh thu***

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và các công ty con được xác lập.

**3.18 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ tài chính trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty và các công ty con có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

#### **3.19 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### **3.20 Thông tin theo bộ phận**

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về đường và các sản phẩm nông nghiệp khác. Doanh thu và tài sản liên quan đến các sản phẩm về đường và các loại sản phẩm nông nghiệp khác chiếm tỷ trọng 100% tổng doanh thu trong kỳ và tổng tài sản tại ngày báo cáo. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các công ty con được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và các công ty con không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty và các công ty con sản xuất ra hoặc do Công ty và các công ty con hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty và các công ty con chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

#### **3.21 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Tiền mặt	1.185.081.529	529.682.154
Tiền gửi ngân hàng	34.860.741.664	36.595.430.240
Các khoản tương đương tiền (*)	11.609.286.590	10.627.151.130
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>47.655.109.783</b>	<b>47.752.263.524</b>

(\*) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản tiền gửi này có kỳ hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất 5,6%/năm - 5,8%/năm (ngày 30 tháng 6 năm 2022: 2,9%/năm - 3,9%/năm).

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Phải thu từ khách hàng	53.238.252.867	154.198.074.082
<i>Công ty Mua bán điện</i>	<i>7.902.650.808</i>	<i>120.808.743</i>
<i>Công ty TNHH Phương Huy Linh</i>	<i>7.898.109.139</i>	<i>14.054.926.889</i>
<i>Công ty TNHH Nước giải khát Suntory</i>		
<i>Pepsico Việt Nam</i>	-	57.735.650.700
<i>Công ty TNHH Czarnikow</i>	-	15.218.661.244
<i>Các khoản phải thu khách hàng khác</i>	<i>37.437.492.920</i>	<i>67.068.026.506</i>
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	9.334.787.000	9.334.787.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>62.573.039.867</b>	<b>163.532.861.082</b>

Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng  
khó đòi (Thuyết minh số 7) (16.551.595.171) (16.551.595.171)

**5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Trả trước cho người bán	52.542.825.810	121.544.944.054
<i>Trả trước tiền mua nguyên vật liệu cho hợp     tác xã và hộ nông dân</i>	<i>28.614.166.588</i>	<i>94.532.527.433</i>
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn</i>	<i>6.860.000.000</i>	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>17.068.659.222</i>	<i>27.012.416.621</i>
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	8.525.088.871	7.779.598.214
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>61.067.914.681</b>	<b>129.324.542.268</b>
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 7) (6.900.205.526) (6.900.205.526)		



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022		Ngày 30 tháng 6 năm 2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	9.958.066.440	(508.200.000)	9.069.156.847	(508.200.000)
Các khoản cho vay không lãi suất	8.504.060.306	(8.504.060.306)	8.504.060.306	(8.504.060.306)
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.032.664.087	-	795.297.600	-
Phải thu lãi dự thu	238.684.932	-	1.193.116.439	-
Phải thu khác	10.649.834.974	(349.517.611)	13.049.186.151	(349.517.611)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>31.383.310.739</b>	<b>(9.361.777.917)</b>	<b>32.610.817.343</b>	<b>(9.361.777.917)</b>
Trong đó:				
<i>Phải thu khác</i>	20.942.309.708		22.169.816.312	
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan</i>				
<i>(Thuyết minh số 31)</i>	10.441.001.031		10.441.001.031	

**7. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
	Số đầu kỳ	32.813.578.614
Dự phòng trích lập trong kỳ	-	1.715.756.525
Số cuối kỳ	32.813.578.614	32.150.496.301
Trong đó:		
<i>Dự phòng phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 5.1)</i>	16.551.595.171	16.264.399.019
<i>Dự phòng trả trước người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 5.2)</i>	6.900.205.526	6.898.315.628
<i>Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 6)</i>	9.361.777.917	8.987.781.654

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**8. HÀNG TỒN KHO**

*Đơn vị tính: VND*

	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</u>		<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</u>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Thành phẩm	662.140.655.593	(3.400.532.949)	479.379.431.632	(4.292.682.947)
Nguyên liệu, vật liệu	60.308.464.790	(1.537.918.215)	62.154.653.098	(1.537.918.215)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	54.216.344.058	-	19.201.256.662	-
Hàng hóa	14.908.488.918	-	75.700.076.948	-
Công cụ, dụng cụ	2.026.075.631	-	2.020.062.728	-
Hàng mua đang đi đường	25.897.138	-	8.115.689.151	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>793.625.926.128</u></b>	<b><u>(4.938.451.164)</u></b>	<b><u>646.571.170.219</u></b>	<b><u>(5.830.601.162)</u></b>

***Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:***

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Số đầu kỳ	5.830.601.162	5.354.008.282
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	722.754.947	9.606.164.720
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	<u>(1.614.904.945)</u>	<u>(450.417.550)</u>
Số cuối kỳ	<u>4.938.451.164</u>	<u>14.509.755.452</u>

## Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 9. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá:	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị văn phòng		Tài sản cố định khác		Đơn vị tính: VND
										Tổng cộng	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	769.117.589.120	2.111.528.601.313	68.568.079.835	22.061.883.989	11.584.266.364	2.982.860.420.621					
- Mua trong kỳ	769.330.392	1.729.516.669	-	-	-	2.498.847.061					
- Đầu tư XDCB hoàn thành	4.056.193.651	780.923.971	-	-	-	4.837.117.622					
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.066.185.560)	-	-	-	(3.066.185.560)					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	773.943.113.163	2.110.972.856.393	68.568.079.835	22.061.883.989	11.584.266.364	2.987.130.199.744					
Trong đó:											
Đã khấu hao hết	145.988.332.311	389.457.503.731	44.793.424.595	20.534.080.796	601.540.000	601.374.881.433					
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>											
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	339.985.243.901	1.495.024.962.001	56.018.136.028	21.381.458.243	3.418.286.612	1.915.828.086.785					
- Khấu hao trong kỳ	16.083.038.949	52.578.070.256	1.115.663.242	81.302.916	355.302.286	70.213.377.649					
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.061.727.572)	-	-	-	(2.061.727.572)					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	356.068.282.850	1.545.541.304.685	57.133.799.270	21.462.761.159	3.773.588.898	1.983.979.736.862					
<b>Giá trị còn lại:</b>											
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	429.132.345.219	616.503.639.312	12.549.943.807	680.425.746	8.165.979.752	1.067.032.333.836					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	417.874.830.313	565.431.551.708	11.434.280.565	599.122.830	7.810.677.466	1.003.150.462.882					

Công ty đã sử dụng bất động sản tại Mai Dịch, Hà Nội, một phần dây chuyền máy móc, thiết bị của Nhà máy Đường số 2, Nhà máy nước mía định dưỡng tế bào và một số máy móc, thiết bị khác làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

Toàn bộ nhà xưởng và máy móc thiết bị thuộc Nhà máy gạch Lam Sơn Sao Vàng và Nhà máy gạch Lam Sơn Bá Thuộc với giá trị còn lại vào khoảng 28 tỷ VND đang được dùng để cho bên thứ ba thuê sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	19.037.780.000	17.884.204.980	15.336.471.192	52.258.456.172
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	19.037.780.000	17.884.204.980	15.336.471.192	52.258.456.172
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	-	2.798.419.586	987.424.575	3.785.844.161
Hao mòn trong kỳ	-	155.210.009	962.512.335	1.117.722.344
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	-	2.953.629.595	1.949.936.910	4.903.566.505
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	19.037.780.000	15.085.785.394	14.349.046.617	48.472.612.011
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	19.037.780.000	14.930.575.385	13.386.534.282	47.354.889.667

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
Dự án Công viên Sinh thái Thanh Tam	253.238.830.975	238.873.841.363
Dự án nước mía cô đặc	47.186.522.063	47.135.141.925
Dự án Trung tâm Công nghệ cao Lam Sơn (*)	30.366.333.204	30.366.333.204
Chi phí giải phóng mặt bằng dự án Nhà máy sấy và xay xát lúa gạo	18.243.178.107	22.730.885.965
Dự án xây dựng vườn cam công nghệ cao	7.563.416.589	5.827.335.704
Dự án Trầm Hương	2.727.272.726	2.727.272.726
Các dự án khác	12.693.618.639	6.590.750.356
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>372.019.172.303</b>	<b>354.251.561.243</b>

(\*) Chủ yếu bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng dự án Trung tâm Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn. Công ty đã hoàn thiện các hồ sơ liên quan và đang chờ các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, quyết toán.

Trong kỳ, Công ty đã vốn hóa chi phí lãi vay với tổng số tiền vào khoảng 9 tỷ VND liên quan đến việc đầu tư các dự án xây dựng cơ bản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Thuyết minh</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Đầu tư vào công ty liên kết	12.1	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12.2	5.849.806.274	6.251.145.800
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.3	30.000.000.000	30.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>35.849.806.274</u></b>	<b><u>36.251.145.800</u></b>

**12.1 Đầu tư vào các công ty liên kết**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Giá gốc khoản đầu tư	21.500.000.000	21.500.000.000
Lỗ lũy kế thuộc sở hữu của Công ty sau ngày đầu tư	(21.500.000.000)	(21.500.000.000)
<b>Giá trị khoản đầu tư theo Phương pháp vốn chủ sở hữu</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>		<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	
	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Số cổ phiếu</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Số cổ phiếu</i>
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	38,39%	2.150.000	38,39%	2.150.000

Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 012032000254 do Ban Quản lý Các khu Công nghiệp và Chế xuất Hà Nội cấp vào ngày 20 tháng 9 năm 2007. Công ty này có trụ sở chính tại Lô CN-B3, Khu Công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển là sản xuất, pha chế và kinh doanh các sản phẩm rượu, đồ uống. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty nắm 38,39% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này và công ty này đang tạm dừng hoạt động.

## Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

#### 12.2 Đầu tư dài hạn khác

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022			Ngày 30 tháng 6 năm 2022			Đơn vị tính: VND	
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc		Dự phòng
Tổng Công ty Mía đường I Công ty Cổ phần Thương mại Lam Hà Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân	292.885 227.650 100.000	2.974.645.800 2.276.500.000 1.000.000.000	- - (401.339.526)	2.974.645.800 2.276.500.000 598.660.474	292.885 227.650 100.000	2.974.645.800 2.276.500.000 1.000.000.000	- - -	2.974.645.800 2.276.500.000 1.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>6.251.145.800</b>	<b>(401.339.526)</b>	<b>5.849.806.274</b>		<b>6.251.145.800</b>	<b>-</b>	<b>6.251.145.800</b>

Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết để thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty này do cổ phiếu của các đơn vị này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

#### 12.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đây là khoản đầu tư vào trái phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam với kỳ hạn 10 năm và đáo hạn vào ngày 29 tháng 10 năm 2029. Lãi suất của trái phiếu này được xác định bằng lãi suất tham chiếu cộng 1,2%/năm và được thanh toán hàng năm. Công ty đã sử dụng khoản trái phiếu này làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí khấu hao chờ phân bổ (Thuyết minh số 3.7)	7.970.649.452	-
Công cụ, dụng cụ	1.183.098.886	1.511.814.955
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	12.973.250.999	3.494.943.765
	<b>22.126.999.337</b>	<b>5.006.758.720</b>
<b>Dài hạn</b>		
Tiền thuê đất trả trước	38.230.698.115	38.850.977.237
Công cụ, dụng cụ	2.428.883.245	2.580.315.276
Chi phí phát triển giống mía	-	5.598.639.788
Chi phí trả trước dài hạn khác	813.675.139	2.082.732.243
	<b>41.473.256.499</b>	<b>49.112.664.544</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>63.600.255.836</b>	<b>54.119.423.264</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**14.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022		Ngày 30 tháng 6 năm 2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Anh	9.983.775.000	9.983.775.000	20.048.757.400	20.048.757.400
Công ty Cổ phần Phân bón Nhật Long	9.531.022.223	9.531.022.223	16.784.894.228	16.784.894.228
Công ty TNHH Guangxi Nanning Qiaolong International Trading	8.440.391.140	8.440.391.140	8.421.936.465	8.421.936.465
Công ty TNHH Guangxi Laibin Pinguan Trade Group	6.159.033.605	6.159.033.605	6.820.404.175	6.820.404.175
Công ty Cổ phần Vận tải Lam sơn	522.103.882	522.103.882	19.235.500.351	19.235.500.351
Phải trả người bán ngắn hạn khác	47.211.875.089	47.211.875.089	35.162.695.418	35.162.695.418
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>81.848.200.939</b>	<b>81.848.200.939</b>	<b>106.474.188.037</b>	<b>106.474.188.037</b>

**14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	44.470.745.920	17.705.820.592
Công ty TNHH Toàn Lộc	34.142.113.054	2.643.113.009
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hải Hà	5.187.874.000	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	5.140.758.866	15.062.707.583
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 31)	18.782.009.856	5.933.176
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>63.252.755.776</b>	<b>17.711.753.768</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Số phải nộp/ bù trừ trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Thuế giá trị gia tăng	18.017.948.306	41.692.775.871	(45.368.748.948)	14.341.975.229
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.300.541.558	2.124.427.814	(8.458.998.397)	1.965.970.975
Thuế nhập khẩu	-	437.874.375	(437.874.375)	-
Thuế thu nhập cá nhân	(218.108.285)	1.207.260.911	(1.013.152.989)	(24.000.363)
Các khoản phí, lệ phí và thuế khác	260.033.006	380.403.442	(639.637.703)	798.745
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>26.360.414.585</b>	<b>45.842.742.413</b>	<b>(55.918.412.412)</b>	<b>16.284.744.586</b>

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí phải trả liên quan đến đường thô nhập khẩu	25.267.429.050	33.300.722.000
Chi phí vận chuyển mía	20.277.740.013	596.458.754
Chi phí mua vật tư, nguyên liệu	18.856.335.468	1.177.673.000
Chi phí hoa hồng bán hàng	3.652.048.075	9.812.385.950
Chi phí lãi vay phải trả	1.356.123.654	2.009.442.858
Các khoản khác	5.741.435.488	4.559.577.047
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>75.151.111.748</b>	<b>51.456.259.609</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng	18.700.000.000	14.203.986.467
Quỹ dự phòng thiên tai, rủi ro	5.760.655.783	5.799.908.383
Cổ tức phải trả	2.379.648.990	2.381.955.590
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp, kinh phí công đoàn	-	1.962.068.646
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	10.985.827.761	13.149.243.427
	<b>37.826.132.534</b>	<b>37.497.162.513</b>
<b>Dài hạn</b>		
Quỹ khen thưởng (*)	28.700.000.000	28.700.000.000
Phải trả tiền thưởng do vượt kế hoạch về lợi nhuận	9.954.946.150	9.954.946.150
Khác	1.690.000.000	1.690.000.000
	<b>40.344.946.150</b>	<b>40.344.946.150</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>78.171.078.684</b>	<b>77.842.108.663</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác</i>	<i>68.216.132.534</i>	<i>67.887.162.513</i>
<i>Phải trả dài hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	<i>9.954.946.150</i>	<i>9.954.946.150</i>

(\*) Công ty đã thực hiện phân loại số dư Quỹ Khen thưởng sang tài khoản Phải trả dài hạn khác căn cứ theo Kế hoạch sử dụng Quỹ Khen thưởng được Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt.

**Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn**

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sau tháng kết thúc cùng ngày

**18. VAY**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Trong kỳ		Ngày 31 tháng 12 năm 2022		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>Vay ngắn hạn</b>							
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.1)	568.951.382.208	568.951.382.208	562.976.578.877	(637.266.205.257)	494.661.755.828	494.661.755.828	
Vay bên liên quan ngắn hạn	13.500.000.000	13.500.000.000	1.600.000.000	(15.100.000.000)	-	-	
	<b>582.451.382.208</b>	<b>582.451.382.208</b>	<b>564.576.578.877</b>	<b>(652.366.205.257)</b>	<b>494.661.755.828</b>	<b>494.661.755.828</b>	
<b>Vay dài hạn</b>							
Vay đối tượng khác (Thuyết minh số 18.2)	6.335.000.000	6.335.000.000	-	-	6.335.000.000	6.335.000.000	
	<b>6.335.000.000</b>	<b>6.335.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>6.335.000.000</b>	<b>6.335.000.000</b>	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>588.786.382.208</b>	<b>588.786.382.208</b>	<b>564.576.578.877</b>	<b>(652.366.205.257)</b>	<b>500.996.755.828</b>	<b>500.996.755.828</b>	

## Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sau tháng kết thúc cùng ngày

### 18. VAY (tiếp theo)

#### 18.1 Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa	257.916.738.017	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 29 tháng 6 năm 2023. Lãi vay được trả hàng tháng.	5,7% - 8,5%	▶ Một số máy móc, thiết bị thuộc Nhà máy đường số 2, bất động sản tại Mai Dịch, Hà Nội và trái phiếu được phát hành bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam với tổng mệnh giá là 30 tỷ đồng. ▶ 1 xe ô tô TOYOTA Land Cruiser.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	10.500.000.000	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 19 tháng 3 năm 2023. Lãi vay được trả hàng tháng.	10% - 11,5%	Hệ thống máy ép thuộc Nhà máy nước mía dinh dưỡng tẻ bảo.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thanh Hóa	121.905.416.050	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 5 tháng 6 năm 2023. Lãi vay được trả hàng tháng.	8,2% - 8,54%	Một số máy móc thiết bị thuộc Nhà máy đường số 2.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	73.867.601.761	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 15 tháng 6 năm 2023. Lãi vay được trả hàng tháng.	7,1% - 12,9%	Dây chuyền thiết bị sản xuất sữa gạo lứt và hệ thống chiết rót đồng hộp.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thanh Hóa	30.472.000.000	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 21 tháng 4 năm 2023. Lãi vay được trả hàng tháng.	11,5%	Cổ phiếu của Công ty do một số cổ đông nắm giữ để đảm bảo cho nghĩa vụ tín dụng tối đa 50.000.000.000 VND và vay tín chấp với hạn mức tối đa là 25.000.000.000 VND.

**TỔNG CỘNG**  
**494.661.755.828**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VAY (tiếp theo)**

**18.2 Các khoản vay dài hạn đối tượng khác**

Chi tiết các khoản vay dài hạn đối tượng khác được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Công đoàn của Công ty	4.600.000.000	Gốc vay đáo hạn vào ngày 30 tháng 12 năm 2026. Lãi vay được trả hàng năm.	5% - 7%	Tin chấp
Quý khuyến học Mía Đường Lam Sơn	1.000.000.000	Gốc vay đáo hạn vào ngày 14 tháng 12 năm 2026. Lãi vay được trả tại thời điểm đáo hạn hợp đồng.	5,5%	Tin chấp
Ông Lê Xuân Bách	735.000.000	Gốc vay đáo hạn vào ngày 26 tháng 5 năm 2025. Lãi và gốc vay được trả khi đáo hạn hợp đồng.	Lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng	Tin chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.335.000.000</b>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Số đầu kỳ	4.214.823.266	3.161.006.587
Trích lập quỹ trong kỳ ( <i>Thuyết minh số 21.1</i> )	4.255.331.014	2.555.920.438
Sử dụng quỹ trong kỳ	<u>(1.397.643.771)</u>	<u>(283.720.523)</u>
Số cuối kỳ	<u>7.072.510.509</u>	<u>5.433.206.502</u>

**20. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Số đầu kỳ	28.602.407.862	30.850.314.294
Sử dụng quỹ trong kỳ	<u>(1.123.953.216)</u>	<u>(1.123.953.216)</u>
Số cuối kỳ	<u>27.478.454.646</u>	<u>29.726.361.078</u>

## Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 21.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>							
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	700.000.000.000	181.855.673.009	(25.442.046.725)	592.614.102.800	52.619.254.839	27.525.980.979	1.529.172.964.902
- Lợi nhuận/(lỗ) trong kỳ	-	-	-	-	13.698.854.390	(46.044.525)	13.652.809.865
- Trích lập Quỹ Đầu tư phát triển	-	-	-	2.555.920.437	(2.555.920.437)	-	-
- Trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.555.920.438)	-	(2.555.920.438)
- Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	9.599.659.792	25.442.046.725	-	-	-	35.041.706.517
- Giảm khác	-	-	-	-	(14.714.838)	-	(14.714.838)
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	700.000.000.000	191.455.332.801	-	595.170.023.237	61.191.553.516	27.479.936.454	1.575.296.846.008
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>							
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	700.000.000.000	191.455.332.801	-	595.170.023.237	91.991.983.572	27.699.352.840	1.606.316.692.450
- Lợi nhuận/(lỗ) trong kỳ	-	-	-	-	7.663.733.621	(99.037.660)	7.564.695.961
- Trích lập Quỹ Đầu tư phát triển	-	-	-	4.255.331.014	(4.255.331.014)	-	-
- Trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(4.255.331.014)	-	(4.255.331.014)
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu (*)	45.479.930.000	-	-	-	(45.479.930.000)	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	(432.725)	-	(432.725)
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	745.479.930.000	191.455.332.801	-	599.425.354.251	45.664.692.440	27.600.315.180	1.609.625.624.672

(\*) Theo Nghị quyết số 338/NQ/2022/ĐLSD-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông Công ty ngày 11 tháng 11 năm 2022 ("Nghị quyết số 338"), trong kỳ, Công ty đã thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu và báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức tới các cơ quan quản lý nhà nước trong tháng 12 năm 2022. Số lượng cổ phiếu phát hành bổ sung này đã được chính thức niêm yết bổ sung kể từ ngày 1 tháng 2 năm 2023 căn cứ theo Quyết định số 35/QĐ-SGDHCM ngày 30 tháng 1 năm 2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Cũng theo Nghị quyết số 338, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án chào bán thêm 30 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ với giá chào bán là 10.000 VND/cổ phiếu và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty thực hiện các thủ tục cần thiết để thực hiện phương án này. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty chưa thực hiện phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết số 338.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022			Ngày 30 tháng 6 năm 2022		
	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	745.479.930.000	745.479.930.000	-	700.000.000.000	700.000.000.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	191.455.332.801	191.455.332.801	-	191.455.332.801	191.455.332.801	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>936.935.262.801</b>	<b>936.935.262.801</b>	<b>-</b>	<b>891.455.332.801</b>	<b>891.455.332.801</b>	<b>-</b>

**21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Vốn đã góp</b>		
Số đầu kỳ	700.000.000.000	700.000.000.000
Tăng vốn trong kỳ	45.479.930.000	-
Số cuối kỳ	745.479.930.000	700.000.000.000
<b>Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu</b>	<b>45.479.930.000</b>	<b>-</b>
<b>Cổ tức đã trả bằng tiền</b>	<b>2.739.325</b>	<b>3.414.280</b>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (2021 - 2022: 10.000 VND/cổ phiếu).

**21.4 Cổ phiếu**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
<b>Cổ phiếu đã được duyệt</b>	<b>74.547.993</b>	<b>70.000.000</b>
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>74.547.993</b>	<b>70.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	74.547.993	70.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>70.000.000</b>	<b>70.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC**

**22.1 Nguồn kinh phí**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Số đầu kỳ	4.828.535.477	2.951.551.359
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	-	11.509.000.000
Chi trong kỳ	<u>(3.360.199.975)</u>	<u>(5.700.000.000)</u>
Số cuối kỳ	<u>1.468.335.502</u>	<u>8.760.551.359</u>

**22.2 Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Số đầu kỳ	24.297.696.786	21.370.565.970
Sử dụng quỹ trong kỳ	<u>(1.757.789.988)</u>	<u>(1.306.337.289)</u>
Số cuối kỳ	<u>22.539.906.798</u>	<u>20.064.228.681</u>

**23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ (VND)	-	132.674.369.250
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vật tư, hàng hóa giữ hộ bên liên quan     (Thuyết minh số 31)</i>	-	81.621.000.000
<i>Vật tư, hàng hóa giữ hộ bên khác</i>	-	51.053.369.250
2. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	7.740	404.804
- Euro (EUR)	116	116

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. DOANH THU**

**24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>672.789.040.381</b>	<b>796.627.092.984</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	449.174.937.461	374.661.097.773
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	218.629.265.777	414.735.601.413
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	4.984.837.143	7.230.393.798
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>672.789.040.381</b>	<b>796.627.092.984</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	645.856.707.048	687.796.501.652
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	26.932.333.333	108.830.591.332

**24.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.272.272.396	1.508.538.576
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.145.628.894	1.937.415.155
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.417.901.290</b>	<b>3.445.953.731</b>

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	389.187.786.042	340.811.076.690
Giá vốn của hàng hóa đã bán	211.144.775.575	371.768.191.853
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.739.055.851	4.793.698.789
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(892.149.998)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>603.179.467.470</b>	<b>717.372.967.332</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Lãi tiền vay	9.407.734.555	4.712.423.742
Chi phí tài chính khác	1.117.701.814	3.427.000.448
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>10.525.436.369</u></b>	<b><u>8.139.424.190</u></b>

**27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân công	10.670.550.890	13.919.823.160
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.266.125.488	6.524.861.644
Chi phí vận chuyển	4.398.558.695	3.874.597.676
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.496.569.389	1.523.776.832
Chi phí bán hàng khác	5.731.718.299	3.856.517.886
	<b><u>27.563.522.761</u></b>	<b><u>29.699.577.198</u></b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân công	10.964.469.002	14.848.103.719
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	5.130.029.815	3.801.428.899
Chi phí dự phòng	-	1.715.756.525
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.539.982.439	4.022.530.560
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.527.868.687	3.761.050.541
	<b><u>26.162.349.943</u></b>	<b><u>28.148.870.244</u></b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>53.725.872.704</u></b>	<b><u>57.848.447.442</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>1.056.820.585</b>	<b>11.695.032</b>
Thu thanh lý tài sản	825.182.012	-
Thu nhập khác	231.638.573	11.695.032
<b>Chi phí khác</b>	<b>143.861.938</b>	<b>308.296.713</b>
Tiền phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm	-	57.169.811
Chi phí khác	143.861.938	251.126.902
<b>LỢI NHUẬN/(LỖ) THUẦN KHÁC</b>	<b>912.958.647</b>	<b>(296.601.681)</b>

**29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	503.711.784.387	331.633.083.116
Chi phí nhân công	42.227.335.218	41.049.911.467
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	60.289.229.983	39.437.456.347
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.162.382.299	31.160.966.410
Chi phí khác	27.146.144.068	28.396.278.350
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>663.536.875.955</b>	<b>471.677.695.690</b>

**30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty và các công ty con là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế, ngoại trừ các đơn vị dưới đây:

- ▶ Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15% đối với thu nhập từ hoạt động chế biến đường và các phụ phẩm của đường từ cây mía tại địa bàn huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa cho giai đoạn tài chính sáu tháng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 trở đi;
- ▶ Xí nghiệp Cơ giới, một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty được miễn thuế TNDN đối với hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**30.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.113.260.043	2.762.796.205
Điều chỉnh thuế trích thiếu các năm trước	11.167.771	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.124.427.814</b>	<b>2.762.796.205</b>

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**30.2 Thuế TNDN hiện hành**

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>9.689.123.775</b>	<b>16.415.606.070</b>
<b>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán</b>		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Chi phí của các nhà máy tạm dừng sản xuất	111.917.220	-
Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách	300.000.000	70.000.000
Các khoản tăng khác	8.344.976	182.997.163
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Điều chỉnh cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính	-	(14.093.197.648)
<b>Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước</b>	<b>10.109.385.971</b>	<b>2.575.405.585</b>
Lỗ năm trước chuyển sang	-	(421.272.629)
<b>Lợi nhuận chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành</b>	<b>10.109.385.971</b>	<b>2.154.132.956</b>
<i>Thu nhập chịu thuế suất 20%</i>	<i>1.121.824.691</i>	<i>8.746.775.109</i>
<i>Thu nhập chịu thuế suất 15%</i>	<i>12.294.395.197</i>	<i>6.756.274.559</i>
<i>Thu nhập chịu thuế suất 0%</i>	<i>-</i>	<i>88.036.434</i>
<i>Lỗ của các công ty con (*)</i>	<i>(3.306.222.707)</i>	<i>(13.436.953.146)</i>
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính trong kỳ hiện hành</b>	<b>2.113.260.043</b>	<b>2.762.796.205</b>
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	8.300.541.558	5.195.318.292
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu kỳ trước	11.167.771	-
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(8.458.998.397)	(5.382.655.778)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối kỳ (Thuyết minh số 15)</b>	<b>1.965.970.975</b>	<b>2.575.458.719</b>

(\*) Công ty và các công ty con không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ này do không thể dự tính được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**30.3 Thuế thu nhập hoãn lại**

Công ty và các công ty con đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Ảnh hưởng của các giao dịch nội bộ được cần trừ khi hợp nhất	3.299.340.589	3.299.340.589	-	-
Dự phòng phải thu khó đòi	122.037.536	122.037.536		
	<b>3.421.378.125</b>	<b>3.421.378.125</b>		
<b>Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</b>			<b>-</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan có ảnh hưởng đáng kể và/hoặc có giao dịch với Công ty và các công ty con trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần rượu Việt Nam – Thụy Điển	Công ty liên kết
Hiệp hội mía đường Lam Sơn	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần BrainMark	Công ty liên quan đến thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Tân Thành Đạt	Công ty liên quan đến thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công	Công ty liên quan đến thành viên HĐQT

Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, ban Kiểm soát của Công ty và các công ty con trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Lê Văn Tân	Chủ tịch HĐQT (từ ngày 6 tháng 11 năm 2021) Phó Chủ tịch HĐQT (đến ngày 6 tháng 11 năm 2021) Tổng Giám đốc (đến ngày 6 tháng 11 năm 2021)
Ông Lê Văn Tam	Chủ tịch HĐQT (đến ngày 6 tháng 11 năm 2021)
Ông Lê Trung Thành	Phó Chủ tịch (từ ngày 6 tháng 11 năm 2021) Thành viên HĐQT (đến ngày 6 tháng 11 năm 2021)
Bà Lê Thị Huệ	Ủy viên thường trực HĐQT (từ ngày 6 tháng 11 năm 2021)
Ông Phùng Thanh Hải	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Thanh Tân	Ủy viên HĐQT
Ông Lê Huy Hùng	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Trịnh Đình Toán	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Thành Tâm	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Lê Văn Phương	Tổng Giám đốc (từ ngày 6 tháng 11 năm 2021)
Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Bá Chiề	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Lam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Quý	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 20 tháng 9 năm 2022)
Bà Đỗ Thị Thanh Hà	Kế toán trưởng – Trưởng phòng Tài chính Kế toán



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và các công ty con với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông lớn	Bán đường	26.932.333.333	108.820.030.000
		Tạm ứng mua mật rỉ	18.240.000.000	-
		Mua đường	1.977.142.857	10.999.996
Ông Lê Văn Tân	Chủ tịch HĐQT	Trả gốc vay	15.100.000.000	-
		Nhận vay ngắn hạn	1.600.000.000	7.000.000.000

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty và các công ty con đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi từ các bên liên quan với số tiền là 12.307.663.306 VND (tại ngày 30 tháng 6 năm 2022: 12.307.663.306 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ tài chính thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 5.1)</b>				
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	Công ty liên kết	Phải thu bán hàng	2.921.603.000	2.921.603.000
Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống	Bên liên quan khác	Phải thu bán hàng	6.413.184.000	6.413.184.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>9.334.787.000</b>	<b>9.334.787.000</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 5.2)</b>				
Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống	Công ty liên quan đến thành viên HĐQT	Tạm ứng tiền mua hàng hóa	5.752.273.008	5.752.273.008
Hiệp hội mía đường Lam Sơn	Cổ đông	Tạm ứng tiền phí thường niên	1.890.815.863	1.134.325.210
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	Công ty liên kết	Tạm ứng tiền mua hàng hóa	882.000.000	882.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông lớn	Mua hàng hóa	-	10.999.996
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>8.525.088.871</b>	<b>7.779.598.214</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 6)</b>				
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	Công ty liên kết	Phải thu tiền gốc vay	8.504.060.306	8.504.060.306
Các cán bộ quản lý chủ chốt	Các cán bộ quản lý chủ chốt	Tạm ứng	1.936.940.725	1.936.940.725
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>10.441.001.031</b>	<b>10.441.001.031</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b> (Thuyết minh số 14.2)				
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông lớn	Trả trước tiền mua đường, mật rỉ	18.782.009.856	5.933.176
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>18.782.009.856</b>	<b>5.933.176</b>
<b>Phải trả dài hạn khác</b> (Thuyết minh số 17)				
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Các cán bộ quản lý chủ chốt	Phải trả tiền thưởng vượt kế hoạch	9.954.946.150	9.954.946.150
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>9.954.946.150</b>	<b>9.954.946.150</b>
<b>Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ</b> (Thuyết minh số 23)				
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông lớn	Đường thành phẩm	-	81.621.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>-</b>	<b>81.621.000.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

***Các giao dịch với các bên liên quan khác***

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ như sau:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Thu nhập (*)</i>	
		<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Ông Lê Văn Tam	Chủ tịch HĐQT (đến ngày 6 tháng 11 năm 2021)	-	502.368.961
Ông Lê Văn Tân	Chủ tịch HĐQT (từ ngày 6 tháng 11 năm 2021)		
	Phó Chủ tịch HĐQT (đến ngày 6 tháng 11 năm 2021)		
	Tổng Giám đốc (đến ngày 6 tháng 11 năm 2021)	924.236.537	389.990.205
Ông Lê Trung Thành	Phó Chủ tịch HĐQT (từ ngày 6 tháng 11 năm 2021)/Thành viên HĐQT (đến ngày 6 tháng 11 năm 2021)	577.100.934	290.168.756
Bà Lê Thị Huệ	Ủy viên HĐQT Thường trực (từ ngày 6 tháng 11 năm 2021)	515.000.037	91.681.331
Ông Phùng Thanh Hải	Ủy viên HĐQT	151.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tân	Ủy viên HĐQT	150.000.000	60.000.000
Ông Lê Văn Phương	Tổng Giám đốc (từ ngày 6 tháng 11 năm 2021)	391.435.460	77.985.346
Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc	332.704.227	195.530.342
Ông Lê Bá Chiểu	Phó Tổng Giám đốc	326.737.111	188.842.128
Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	311.301.063	186.298.864
Ông Phạm Ngọc Quý	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 20 tháng 9 năm 2022)	-	156.163.744
Ông Nguyễn Xuân Lam	Phó Tổng Giám đốc	347.088.331	190.803.253
Ông Lê Huy Hùng	Trưởng ban kiểm soát (từ ngày 6 tháng 11 năm 2021)	397.135.652	409.918.417
Ông Trình Đình Toán	Thành viên kiểm soát (từ ngày 6 tháng 11 năm 2021)	289.037.190	306.285.148
Ông Nguyễn Thanh Tâm	Thành viên kiểm soát (từ ngày 6 tháng 11 năm 2021)	237.917.167	255.022.279
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>4.950.693.709</u></b>	<b><u>3.361.058.774</u></b>

(\*) bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông Điều chỉnh giảm do chỉ trích quỹ Khen thường phúc lợi (*)	7.663.733.621	13.698.854.390
	-	(2.127.665.507)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>7.663.733.621</b>	<b>11.571.188.883</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b>7.663.733.621</b>	<b>11.571.188.883</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	74.547.993	73.083.791
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b>74.547.993</b>	<b>73.083.791</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>		
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	103	158
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	103	158

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn này để phản ánh khoản trích quỹ Khen thưởng phúc lợi phân bổ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 căn cứ theo Nghị quyết số 338NQ/2022/ĐLS-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông Công ty ngày 11 tháng 11 năm 2022.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thường Ban điều hành từ lợi nhuận của năm 2022 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho kỳ hiện tại.

(\*\*) Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh ảnh hưởng của việc chia cổ tức bằng cổ phiếu thưởng trong kỳ này.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**33. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

***Các cam kết liên quan đến khoản đầu tư dài hạn***

Thực hiện Nghị quyết số 99 NQ/ĐLS – HĐQT ngày 5 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty, Công ty đã thành lập Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Lam Sơn với tổng vốn điều lệ được đăng ký là 26 tỷ VND do Công ty sở hữu 100% vốn để thực hiện các hoạt động kinh doanh, xuất nhập khẩu đường, các sản phẩm sau đường và các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã thực hiện góp vốn vào công ty con này với tổng số tiền là 9.862.396.042 VND và Công ty đang trong quá trình hoàn thành các thủ tục để góp bổ sung phần vốn điều lệ còn thiếu tại công ty con này.

***Cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn***

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty và các công ty con có cam kết khoảng 28,1 tỷ VND từ các hợp đồng mua máy móc thiết bị, vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

**34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.



Người lập  
Nguyễn Thị Tú



Kế toán trưởng  
Đỗ Thị Thanh Hà



Tổng Giám đốc  
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 1 tháng 3 năm 2023